

**BẢN TIN XUẤT KHẨU**

# THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

**BẢN TIN BAO GỒM**

---

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG  
THEO NGÀNH HÀNG**

---

**CHUYÊN ĐỀ THỊ  
TRƯỜNG HÀN QUỐC**

---

**QUY ĐỊNH VÀ LƯU Ý  
XUẤT NHẬP KHẨU**



## PHẦN A. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

### I. Rau củ quả

#### 1. Thị trường thế giới

Theo một số nghiên cứu và báo cáo trong thời gian vừa qua, tiêu thụ thực phẩm toàn cầu cho thấy sự thay đổi về nhu cầu đối với các mặt hàng rau củ quả. Điều này có thể được lý giải do sự điều chỉnh chế độ ăn uống trong sinh hoạt hàng ngày khi hầu hết mọi người nấu ăn tại nhà. Tại Ý – đất nước tiêu thụ trái cây lớn nhất và tiêu thụ rau quả lớn thứ 3 toàn châu Âu, cũng ghi nhận tăng tiêu thụ trái cây 20% và rau củ tăng 13% trong thời gian giãn cách, khiến giá mặt hàng rau củ quả ngày càng tăng. Bên cạnh đó, điều kiện thời tiết không thuận lợi trong tháng 8 tại nhiều nơi cũng khiến giá rau củ quả trên thế giới tại nhiều thị trường lớn đều ghi nhận biến động tăng đáng chú ý.

Giá các loại rau ăn lá và rau mùa hè tăng cao ở Nhật Bản trong tháng 8 do thời tiết nắng/mưa khắc nghiệt. Nguồn cung trong nước và sản lượng bị thiếu hụt do mưa lớn kéo dài khiến giá rau tăng dù chỉ ngay trong tháng trước, giá rau vẫn giữ ở mức ổn định so với thường niên. Dự trữ cà tím, dưa chuột và cà chua trồng ở một số tỉnh của nước này như Kumamoto, Saga, Oita và Fukuoka giảm tới 50 đến 70% so với mức bình thường trong một năm, do đó giá rau củ được dự kiến sẽ tiếp tục ghi nhận ở mức cao trong thời gian tới.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Trung Quốc, giá bán buôn bình quân trên toàn quốc của 28 loại rau được theo dõi trong tháng 8 là 4,58 NDT/kg, tăng 9,6% so với tháng trước, trong đó tăng mạnh nhất đối với cần tây và bắp cải Trung Quốc. Nguyên nhân chính là do thời tiết khắc nghiệt, nền nhiệt độ cao trên diện rộng và mưa đá vào cuối tháng 8 khiến nguồn cung rau ngắn hạn không được thuận lợi. Nguồn cung rau ăn lá trong mùa hè đã kết thúc trước thời hạn, sản lượng rau ăn lá khu vực phía Nam giảm do thiên tai trong khi miền Bắc rét đậm, rau sinh trưởng chậm khiến giá thường xuyên biến động.

Tại châu Âu, điều kiện thời tiết không thuận lợi với sương giá và mưa lớn có thể gây sụt giảm tổng thể sản lượng niên vụ 2021-22 khi sản lượng các loại quả hạch được dự báo giảm tới 16,6% so với năm trước xuống 2,67 triệu tấn, trong khi sản lượng cherry được dự báo sẽ giảm 5,3% so với mùa trước xuống 664.800 tấn.

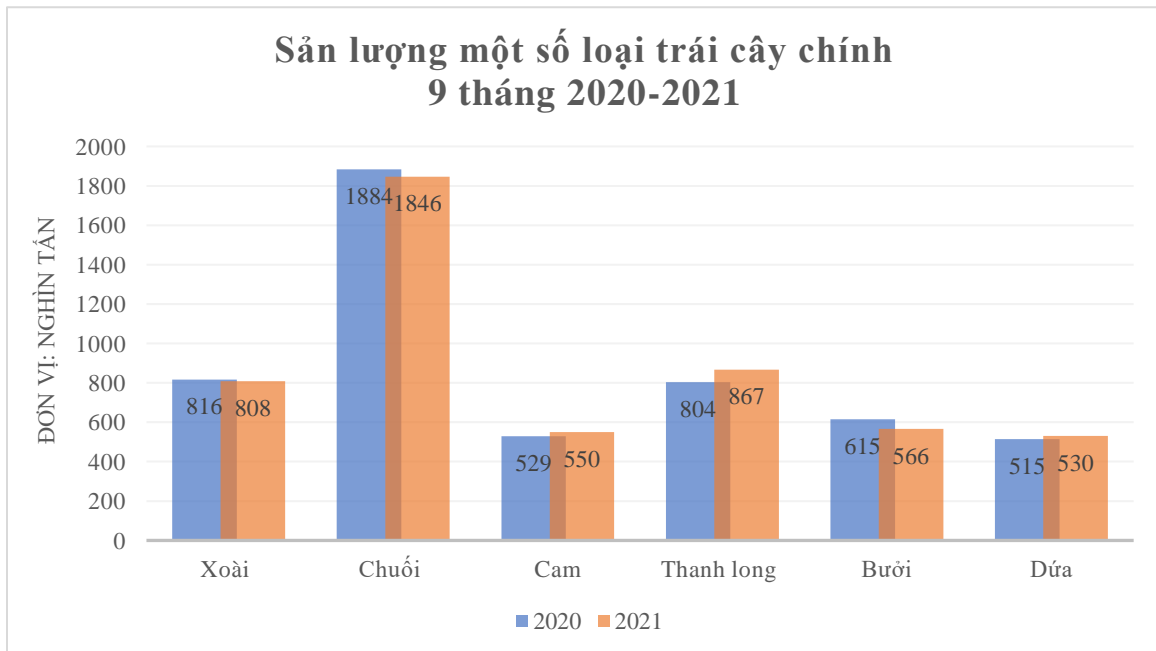
Do nguồn cung nội địa giảm, nhập khẩu quả hạch tại khu vực có thể tiếp tục tăng khiến giá các loại quả này tăng cao.

Nhu cầu về mặt hàng rau củ quả của Hoa Kỳ duy trì xu hướng tăng khi chỉ riêng trong tháng 8, doanh thu rau củ đạt 3,2 tỷ USD và hoa quả đạt 3,6 tỷ. Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng rau củ quả tươi tháng 8 ước đạt 7,2 tỷ USD, tăng 3% so với năm 2020, trong khi xuất khẩu rau củ quả đã qua chế biến ước đạt 7 tỷ USD, tăng 7%. Giá trị nhập khẩu trái cây tươi dự kiến lên tới 15,2 tỷ USD, nhập khẩu rau tươi 10,3 tỷ USD trong năm tài chính 2021, cũng là nguyên nhân gây tác động lớn đến giá rau củ quả tại nước này.

## 2. Thị trường Việt Nam

### *Sản lượng và tiêu thụ*

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 8 năm 2021 là giai đoạn vào vụ thu hoạch của nhiều loại rau củ quả có sản lượng lớn, ước tính đạt hơn 1,1 triệu tấn, cao hơn nhiều so với nhu cầu tiêu dùng chỉ khoảng 500 nghìn tấn. Sản lượng rau các loại khi cộng dồn trong 8 tháng năm 2021 đạt 12,5 triệu tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020, dự kiến tiếp tục thu hoạch thêm 6 triệu tấn trong những tháng còn lại. Trong khi đó, sản lượng trái cây ghi nhận mức tăng trưởng khả quan hơn do điều kiện thời tiết thuận lợi so với cùng kỳ năm trước, cùng với dự địa thu hoạch đến cuối năm đạt thêm 2,5 triệu tấn.



Giá rau củ quả trên thị trường chịu biến động lớn do ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội, khiến nhu cầu tiêu thụ ở mức thấp so với sản lượng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn dự báo tiêu thụ rau sau khi giảm còn 398 nghìn tấn trong quý III/2021, sẽ có xu hướng tăng lên trong quý IV, ước đạt gần 538 nghìn tấn. Theo ước tính, lượng tiêu thụ trái cây của cả nước trong quý này sẽ đạt 258 nghìn tấn và dự kiến tăng lên 348 nghìn tấn trong quý IV.

### *Xuất khẩu*

Dưới tác động nặng nề của dịch Covid-19, xuất khẩu nông lâm sản nói chung và rau củ quả nói riêng trong tháng 8 chịu ảnh hưởng rõ rệt. Kim ngạch xuất khẩu trong tháng 8/2021 chạm mức thấp nhất kể từ tháng 7/2020 với 229 triệu USD, giảm 13,7% so với tháng trước và giảm 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do xuất khẩu khả quan trong những tháng đầu năm, lũy kế 8 tháng đầu năm tăng 11,8% so với cùng kỳ 2020, đạt 2,52 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu ngành hàng rau củ quả đã liên tiếp ghi nhận giảm từ tháng 5 đến nay là một vấn đề cần được nhìn nhận và tìm giải pháp nhanh chóng.

Theo thông tin từ các doanh nghiệp hàng đầu về rau quả gửi về, số lượng các đơn hàng từ nước ngoài vẫn duy trì tốt, do đó việc kịp thời tháo gỡ những khó khăn với mục tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu những tháng cuối năm đóng vai trò rất quan trọng. Nhu cầu nhập khẩu tại hầu hết các thị trường trọng điểm như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản đều tăng cho thấy cơ hội lớn với ngành xuất khẩu rau củ quả Việt Nam, tuy nhiên cũng cần nỗ lực mở rộng thị phần nhằm giảm lệ thuộc tại một vài thị trường chính.

Trong 8 tháng đầu năm nay, xuất khẩu rau quả sang Australia đã thu về 51,3 triệu USD, ghi nhận tăng hơn 38% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế giá trị xuất khẩu một số mặt hàng trái cây tươi tăng ấn tượng với thanh long tăng hơn 84%, vải thiều tăng hơn 93%, và nhãn tăng tới gần 134%. Kết quả tích cực trên được ghi nhận do các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và xúc tiến thương mại được đẩy mạnh trong bối cảnh đại dịch, như triển khai các ứng dụng kết nối doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa địa phương với các đối tác, triển lãm quy mô lớn, đẩy mạnh quảng bá sản phẩm đối với cộng đồng người Việt tại nước sở tại. Tại thị trường châu Âu, các sản phẩm rau củ và trái cây của Việt Nam đang được giới thiệu tại triển lãm Macfrut 2021 tại Ý. Đây là sự kiện lớn đầu tiên của ngành nông sản và rau củ quả được tổ chức tại khu vực châu Âu sau gần hai năm gián đoạn do đại dịch COVID-19, đánh dấu một cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam thiết lập lại quan hệ đối tác và phát triển thị phần xuất khẩu.

## II. Cà phê

### 1. Thị trường thế giới

#### *Sản lượng và tiêu thụ*

Theo báo cáo mới nhất của Tổ chức Cà phê Quốc tế, tổng sản lượng cà phê niên vụ 2020/21 được ước tính tăng nhẹ 0,4% lên 169,6 triệu bao loại 60 kg, so với 169,0 triệu bao trong năm cà phê trước đó. Trong đó, sản lượng cà phê arabica dự kiến tăng 2,3% lên 99,3 triệu bao còn sản lượng cà phê Robusta dự kiến sẽ giảm 2,1% xuống 70,4 triệu bao.

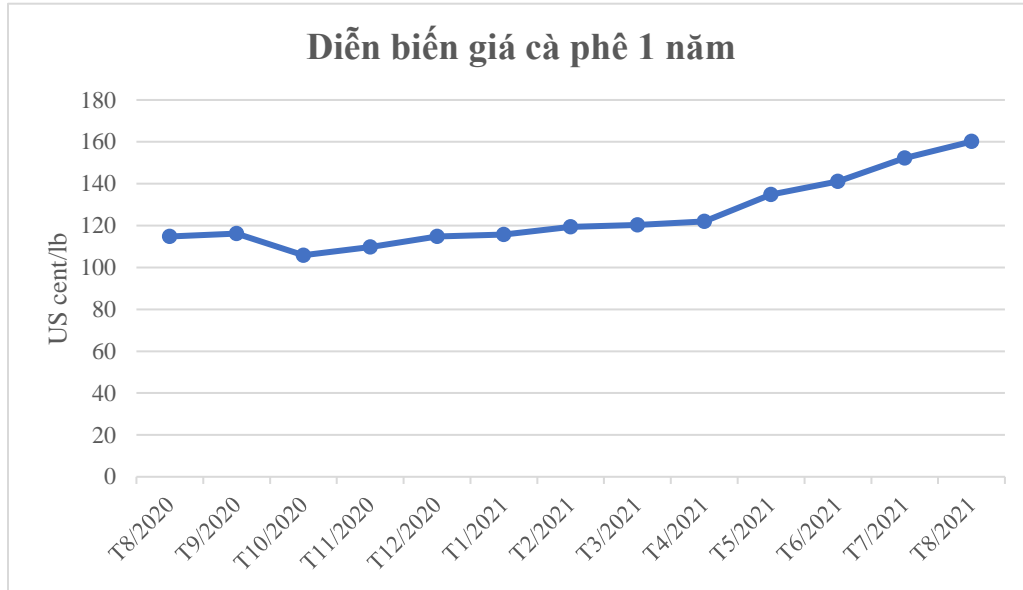
Phân tích về kết quả hoạt động của từng nước, sản lượng của 10 nước sản xuất cà phê lớn nhất, chiếm hơn 89% sản lượng thế giới, dự kiến sẽ tăng 1,1% từ 149,73 triệu bao lên 151,41 triệu bao. Việt Nam và Peru được dự báo có mức giảm sản lượng thấp, lần lượt là 4,9% và 0,8% trong niên vụ cà phê 2020/21. Trong khi đó, tình hình ở Brazil đã trở thành một vấn đề đáng lo ngại từ tháng 4/2020 do sản lượng của nước này giảm đáng kể khi bước vào chu kỳ giá cà phê arabica giảm đi kèm hạn hán tại các vùng trồng cà phê lớn. Gần đây, Brazil lại tiếp tục trải qua một trong những đợt sương giá dữ dội nhất từng thấy, có thể gây ảnh hưởng tiêu cực cho niên vụ sau.

Dự kiến tiêu thụ cà phê thế giới sẽ tăng lên 167,01 triệu bao trong năm 2020/21 so với 163,9 triệu bao của niên vụ 2019/20. Với việc nới lỏng giãn cách do Covid-19 tại nhiều quốc gia và triển vọng phục hồi kinh tế giai đoạn tới, tiêu dùng thế giới dự kiến sẽ tiếp tục tăng. Đối với cà phê niên vụ 2020/21, tiêu thụ tại các nước nhập khẩu dự kiến tăng 2,3% lên 116,5 triệu bao, trong khi tiêu thụ nội địa ở các nước sản xuất cà phê dự kiến tăng 1% lên 50,5 triệu bao, Tỷ trọng tiêu thụ nội địa ở các nước sản xuất cà phê dự kiến sẽ tăng hơn nữa do mức sống của người dân ngày càng được cải thiện.

#### *Diễn biến giá*

Trong tháng 8/2021, giá cà phê đã ghi nhận tăng tháng thứ 10 liên tiếp do những lo ngại sản lượng giảm trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, chi phí vận chuyển tăng phi mã và giãn cách trong làn sóng Covid-19 tại nhiều nước. Nguồn cung cà phê bị thắt chặt đặc biệt từ các nhà sản xuất Đông Nam Á do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch, trong khi tình hình sản xuất của Brazil cũng không khả quan do ảnh hưởng của thời tiết xấu. Chỉ báo tổng hợp ICO về mức trung bình tháng đã tăng lên 160,14 US cent/lb vào tháng 8 so với mức 152,24 US cent/lb của tháng trước. Xu hướng tăng ổn định từ đầu niên vụ đã xác nhận sự phục hồi của giá cà phê sau ba năm giá thấp trước đó. Giá cho tất cả các chỉ số nhóm đều tăng vào

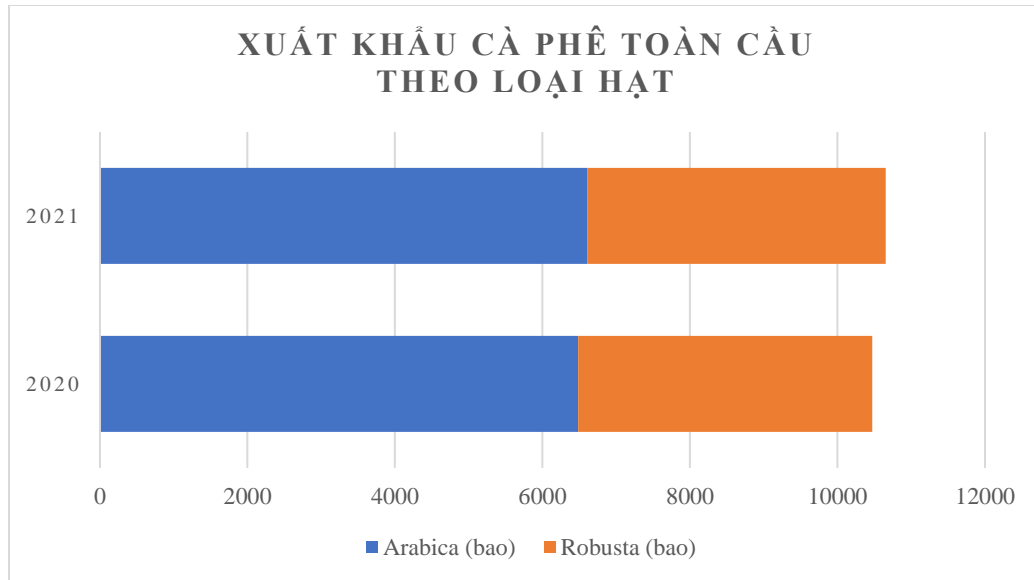
tháng 8 năm 2021 và đạt mức cao nhất trong vài năm. Giá cà phê Robusta tại London giao tháng 9/2021 tăng 21 USD/tấn ở mức 1.987 USD/tấn, trong khi trên sàn New York, giá cà phê Arabica giao tháng 9/2021 tăng 1,6 cent/lb ở mức 185,65 cent/lb.



### *Xuất khẩu*

Hiệp hội các nhà xuất khẩu Cecafé cho biết, xuất khẩu cà phê nhân từ Brazil, nhà sản xuất lớn nhất thế giới, đã giảm 27% trong tháng 8 so với cùng kỳ năm ngoái xuống 2,33 triệu bao loại 60 kg do khó khăn trong việc tìm container và không gian trên tàu, là khối lượng hàng tháng nhỏ nhất trong ít nhất một năm. Ước tính có khoảng 3,5 triệu bao cà phê không thể được vận chuyển đúng hạn trong năm nay do các rào cản vận chuyển, gây thiệt hại khoảng 500 triệu USD cho ngành xuất khẩu cà phê của nước này.

Theo Fitch Solutions, dịch Covid-19 bùng phát ở Việt Nam – nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới khiến nguồn cung và phê toàn cầu bị hạn chế và có thể đẩy giá cà phê ở mức tương đối cao cho đến năm 2022. Việc đóng cửa trung tâm xuất khẩu – Thành phố Hồ Chí Minh đã ảnh hưởng lớn đến các chuyến hàng cà phê và các hàng hóa khác ra nước ngoài. Trong tháng 8, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đã giảm 8,7% so với tháng trước khi chỉ còn hơn 111 nghìn tấn.



## 2. Thị trường Việt Nam

Theo Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (VICOFA), giá cà phê nội địa chạm mốc hơn 40 triệu đồng/tấn và kết thúc chu kỳ giảm giá 4 năm liên tiếp. Cuối tháng 8, giá cà phê Robusta trong nước tăng từ 6,6 – 6,8% so với tháng 7 lên mức 39.000 – 40.200 đồng/kg. Việc giá cà phê có thể trở về đỉnh cũ 45 – 47 triệu đồng/tấn hay không phụ thuộc vào tình hình kiểm soát Covid-19 và tốc độ phục hồi kinh tế thế giới, bên cạnh đó là yếu tố mùa màng và thời tiết. Nhiều dự báo cho rằng sản lượng thu hoạch cà phê vào tháng 11 tới có thể giảm tới 10-15% do mưa nhiều trên diện rộng. Khi nhu cầu từ các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU đang dần phục hồi do mở cửa kinh tế, giá cà phê được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng.

### *Xuất khẩu*

Theo số liệu Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê đạt kim ngạch 207 triệu USD, ghi nhận mức giảm 4,4% so với tháng trước. Trước diễn biến tăng của giá cà phê thế giới, bình quân giá xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 1.971 USD/tấn, tăng 2,6% so với tháng trước. Như vậy trong 8 tháng đầu năm nay, Việt Nam đã xuất khẩu được 1,08 triệu tấn cà phê, tuy giảm 6,4% về lượng nhưng ghi nhận tăng 2% về trị giá, ghi nhận kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD. Xét về chủng loại, theo dòng tăng giá của cà phê robusta thế giới, xuất khẩu loại cà phê này trong tháng 7 đã tăng đến 32,3% về trị giá khi so với cùng kỳ năm trước đó. Trong thời gian tới, dự báo cho rằng xuất khẩu cà phê vẫn sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực của làn sóng Covid-19 thứ tư, khiến xuất khẩu sang nhiều thị trường lớn như Hoa Kỳ châu Âu có thể bị gián đoạn do chi phí vận chuyển quá cao. Tại Hoa Kỳ, trên tổng lượng

nhập khẩu cà phê 7 tháng đầu năm 2021 với trị giá 3,84 triệu USD, thị phần cà phê của Việt Nam chỉ có 8,17% khi so sánh với thị phần cùng kỳ 2020 đạt 11,31%. Tuy nhiên trên đà tăng giá cà phê tích cực và phục hồi kinh tế thế giới sau đại dịch, ngành xuất khẩu cà phê vẫn có thể tìm kiếm cơ hội tại các thị trường khác.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc dự kiến sẽ tăng trưởng tích cực do nước này có nhu cầu cao đối với cà phê nhập khẩu. Tổng nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc trong 6 tháng đầu năm 2021 đã đạt 94.840 tấn, trị giá 432,45 triệu USD, tăng 11,7% về lượng và tăng tới 30,3% về giá trị nhập khẩu so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này được lý giải do nhu cầu cà phê tăng mạnh khi đa số mọi người sinh hoạt và làm việc tại nhà trong khi trước đó, cà phê được tiêu thụ nhiều ở văn phòng và nhà hàng. Tiêu thụ cà phê tại thị trường này chiếm khoảng 6% tổng thị trường cà phê Châu Á – Thái Bình Dương và là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê hàng đầu thế giới.

Theo Cục Xuất nhập khẩu, nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc từ Việt Nam trong nửa đầu năm nay đạt khoảng 19.500 tấn, trị giá 30,82 triệu USD, tăng 12,8% về lượng và 5,2% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Cà phê Việt Nam chiếm 20,56% tổng nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc trong nửa đầu năm nay và vẫn đang trên đà phát triển tích cực trong thời gian tới.





### III. Cao su

#### 1. Thị trường thế giới

##### *Sản lượng và tiêu thụ*

Theo thông tin từ ANPRC, triển vọng về nhu cầu cao su thiên nhiên toàn cầu ước tính sẽ tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước lên 14,1 triệu tấn trong năm nay do dự đoán nhu cầu tăng từ Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam. Sản lượng cao su toàn cầu được dự báo điều chỉnh lên 13,86 triệu tấn, tăng 2% so với 2020 do kỳ vọng vào nhiều yếu tố như hàng tồn kho, năng lực xuất khẩu hay các diễn biến chính trị liên quan trong khu vực. Trung tuần tháng 8 từ ngày 16/8 – 20/8, tồn kho cao su tự nhiên dựa theo chứng từ tại SHFE đạt 186.380 tấn, tăng 4.810 tấn (tăng 2,6%) so với tuần trước; số liệu tồn kho theo hợp đồng tương lai đạt hơn 211.340 tấn, tăng 4.278 tấn (tăng hơn 2%) so với tuần trước.

Về chú trọng phát triển sản xuất cao su trong thời gian tới, Pháp tài trợ lên đến 1,5 triệu EUR cho Đông Nam Á – khu vực sản xuất 73% cao su tự nhiên của thế giới thông qua dự án FORSEA về dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nguồn lực lao động đối với Cao su tự nhiên ở Đông Nam Á, được triển khai tại Thái Lan kết hợp với các tổ chức của Việt Nam (RRIV) và Campuchia (IRCC). Ngoài ra, cơ quan Phát triển Pháp cũng đang hỗ trợ ngành cao su bền vững ở Đông Nam Á thông qua dự án sản xuất cao su bền vững do WWF thực hiện và dự án quản lý rừng trồng quy mô lớn bền vững do CIRAD thực hiện.

##### *Giá cao su*

Sau khi tăng khá mạnh vào quý I/2021, giá cao su sau đó liên tục bị chốt lời do nhu cầu về lốp ô tô nói chung và nhu cầu của Trung Quốc đều giảm dần. Giá tại các sàn giao dịch chủ chốt ở châu Á sau khi phục hồi và đạt đỉnh tháng vào ngày 18/8 đã giảm mạnh cho đến cuối tháng. Giá cao su thế giới hiện đã giảm mạnh khi đang được giao dịch ở mức thấp nhất trong một năm trở lại đây trong tháng 8, ghi nhận giảm gần 7% so với tháng trước và ghi nhận đã giảm tới 30% trong năm nay. Cụ thể, tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản, giá có xu hướng giảm mạnh kể từ ngày 20/8/2021. Ngày 27/8, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 9/2021 giao dịch ở mức 194 Yên/kg (tương đương 1,77 USD/kg), giảm 9% so với cuối tháng 7/2021, nhưng tăng hơn 6% so với cùng kỳ năm 2020.

Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su cũng có xu hướng giảm mạnh kể từ ngày 20/8. Ngày 27/8, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 9/2021 ở mức 12.920 NDT/tấn (tương đương 1,199 USD/kg), giảm 3,5% so với cuối tháng 7/2021, nhưng tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Tại Thái Lan, giá có xu hướng giảm trong vài phiên cuối tháng, nhưng so với cuối tháng 7/2021 vẫn tăng nhẹ. Ngày 24/8, giá cao su RSS 3 chào bán ở mức 57,9 Baht/kg (tương đương 1,78 USD/kg), tăng 2,7% so với cuối tháng 7/2021 và tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020.

## 2. Thị trường Việt Nam

### *Giá cao su trong nước*

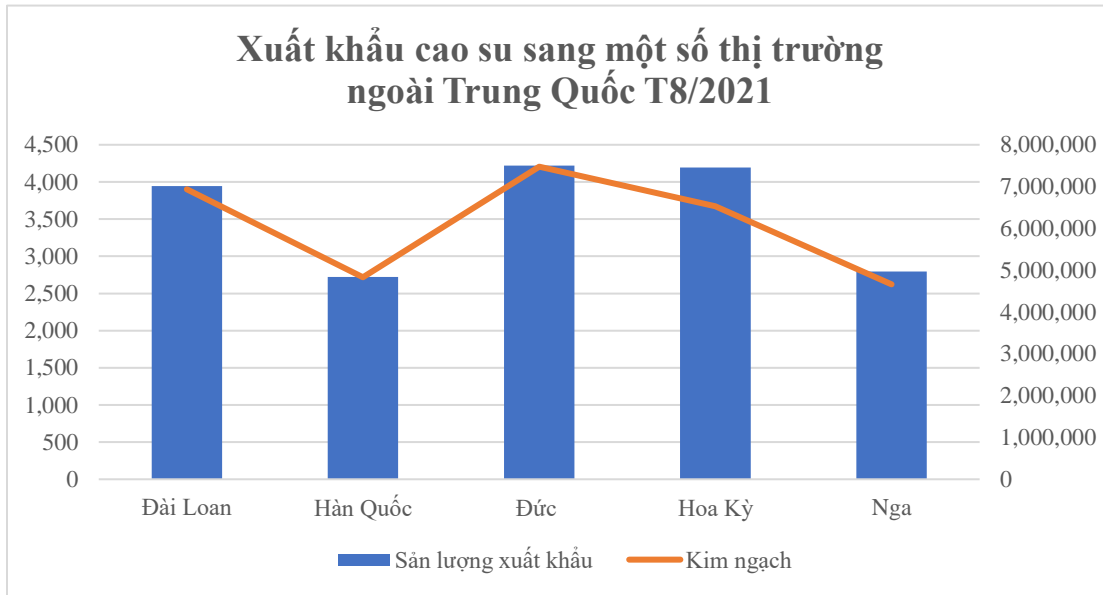
Trong những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, những tháng gần đây, ngành cao su đang chịu ảnh hưởng nặng nề do hàng loạt nhà máy sơ chế, chế biến cao su phải cắt giảm sản xuất hoặc tạm ngừng hoạt động, người trồng tại các tỉnh chủ yếu là phía Nam cũng phải tạm ngừng thu hoạch do giãn cách xã hội. Trong tháng 8, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước được điều chỉnh nhiều lần, bình quân tháng giá mủ cao su nước được giao dịch quanh mức 321,25 đồng/độ TSC, trong khi các loại mủ từ khô, vừa, ướm được giao dịch quanh giá 9.600 đồng/kg và giữ giá ít biến động trong những ngày đầu tháng 9. Thống kê theo địa phương cho thấy giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước dao động khoảng 315 - 320 đồng/độ mủ, Đông Nam bộ điển được thu mua quanh mức 250 – 300 đồng/độ mủ, Đồng Nai từ 321-328 đồng/độ mủ.



### *Xuất khẩu*

Xuất khẩu cao su Việt Nam chịu nhiều thiệt hại do nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng sản xuất vì nằm trong khu vực phong tỏa, công nhân nghỉ việc, bị cách ly,... trong khi tình hình vận chuyển chưa có dấu hiệu được cải thiện. Trong tháng 8/2021, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 189.709 tấn, trị giá 311.349.328 USD, giảm 7,2% về lượng và 7,9% về trị giá so với tháng trước đó. Tính từ đầu năm, xuất khẩu cao su đạt trên 1,1 triệu tấn, trị giá hơn 1,85 tỷ USD, tăng 22,1% về lượng nhưng tăng 59,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Cục Xuất nhập khẩu Bộ Công thương nhìn nhận, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường lớn như EU, Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ vẫn được dự báo tiếp tục xu hướng tăng nhờ nhu cầu tại các nước này được cải thiện và kinh tế đang dần hồi phục do các biện pháp phong tỏa được nới lỏng. Về giá xuất khẩu, trong tháng 7/2021, giá cao su xuất khẩu bình quân ở mức 1.654 USD/tấn, giảm 2% so với tháng 6/2021, nhưng tăng 36,7% so với tháng 7/2020.



Là quốc gia nhập khẩu cao su chiếm tới 40% toàn cầu, theo thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 7,03 tỷ USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ hai cho Trung Quốc, đạt 1,07 tỷ USD, tăng 61,4% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2021 chiếm 15,3%, tăng mạnh so với mức 11,9% của 7 tháng đầu năm 2020. Trong giai đoạn này, Việt Nam đang là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 5 cho Trung Quốc với kim ngạch 127,11 triệu USD, tăng hơn 67% so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam chiếm 6,3% trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc, tăng so với mức 5,7% của 7 tháng đầu năm 2020. Giá bình quân xuất khẩu cao su sang Trung Quốc ở mức 1.620 USD/tấn, giảm 0,6% so với tháng 6/2021, nhưng tăng 35% so với tháng 7/2020. Các số liệu đều cho thấy dấu hiệu tình hình và phát triển bền vững của xuất khẩu cao su Việt Nam sang thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới này.

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 7 tháng đầu năm nay, Hoa Kỳ đã nhập khẩu 1,09 triệu tấn cao su với tổng trị giá 2,19 tỷ USD trong kỳ, tăng 12% về lượng và 27,6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là một thị trường chứng kiến sự tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng khi Việt Nam trở thành nhà cung cấp cao su lớn thứ 11, đã xuất khẩu 23,5 nghìn tấn cao su trị giá 41,87 triệu USD sang Mỹ trong 7 tháng đầu năm 2021, tăng 61% về lượng và 92,3% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần của Việt Nam tăng nhẹ 1,5% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 2,2% tổng lượng cao su nhập khẩu của Hoa Kỳ. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu cao su thiên nhiên cho Hoa Kỳ khi xét riêng loại hàng này, Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ 4 với 23,46 tấn, trị giá 41,65 triệu USD, tăng 60,8% về lượng và 92,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.



## PHẦN B. CHUYÊN ĐỀ THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

### I. Xuất nhập khẩu của Hàn Quốc

#### 1. Tình hình xuất nhập khẩu của Hàn Quốc

#### TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HÀN QUỐC NĂM 2020

Đơn vị: tỷ USD

	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	43,11	42,71	85,82	0,4
Tháng 2	40,91	36,99	77,9	3,93
Tháng 3	46,17	41,79	87,96	4,38
Tháng 4	36,27	37,93	74,2	-1,66
Tháng 5	34,85	34,65	69,5	0,2
Tháng 6	39,22	35,79	75	3,43
Tháng 7	42,79	38,84	81,63	3,95
Tháng 8	39,49	35,8	75,29	3,69
Tháng 9	47,86	39,39	87,25	8,47
Tháng 10	44,88	39,09	83,96	5,79
Tháng 11	45,84	39,94	85,78	5,9
Tháng 12	51,41	44,64	96,05	6,77
Cả năm	512,79	467,54	980,33	45,25

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế*

## XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HÀN QUỐC 5 NĂM QUA

Đơn vị: tỷ USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Xuất khẩu	495,47	573,72	605,17	542,33	512,79
Nhập khẩu	406,06	478,41	535,17	503,26	467,54
Tổng kim ngạch	901,53	1.052,13	1.140,34	1.045,59	980,33
Thặng dư	89,41	95,3	70	39,07	45,25
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		15,79	5,48	-10,38	-5,45
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		17,82	11,86	-5,96	-7,1

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

### 2. Đối tác xuất nhập khẩu của Hàn Quốc

#### MỘT SỐ ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU VÀO HÀN QUỐC NĂM 2020

STT	Đối tác xuất khẩu vào Hàn Quốc	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	108,87	23,29
2	Hoa Kỳ	57,77	12,36
3	Nhật Bản	46,02	9,84
4	Đức	20,67	4,42
5	Việt Nam	20,58	4,4
6	Úc	18,71	4
7	Đài Loan	17,84	3,81
8	Ả Rập Xê Út	15,98	3,42
9	Liên Bang Nga	10,62	2,27
10	Malaysia	8,89	1,9

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*



### MỘT SỐ ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU TỪ HÀN QUỐC NĂM 2020

STT	Nước nhập khẩu từ Hàn Quốc	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
1	Trung Quốc	132,56	25,85
2	Hoa Kỳ	74,44	14,52
3	Việt Nam	48,54	9,47
4	Hồng Kông	30,66	5,98
5	Nhật Bản	25,09	4,89
6	Đài Loan	16,46	3,21
7	Ấn Độ	11,95	2,33
8	Singapo	9,83	1,92
9	Đức	9,58	1,87
10	Malaysia	9,08	1,77

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế*

### 3. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu

#### CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU NĂM 2020

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2020 (tỷ USD)	Tăng trưởng so với năm 2019 (%)
270900	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô	44,46	-36,66
854231	Mạch điện tử tích hợp như bộ xử lý và bộ điều khiển có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ thời gian và mạch định giờ hoặc các mạch khác	18,63	18,51
271111	Khí tự nhiên dạng hóa lỏng	15,72	-23,61
854232	Mạch điện tử tích hợp như bộ nhớ	15,64	4,5
848620	Máy và thiết bị để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp	10,27	101,55
271012	Dầu nhẹ và các chế phẩm từ dầu hoặc từ các khoáng bitum có chứa hàm lượng từ 90% trở lên (kể cả hao hụt) được chưng cất ở nhiệt độ 210°C theo phương pháp ASTM D 86 (không gồm dầu diesel sinh học)	10,15	-26,46
270112	Than bitum đã hoặc chưa nghiền thành bột, chưa đóng bánh	8,79	-32,69
260111	Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết (không gồm pirit sắt đã nung)	6,71	3,52
854239	Mạch điện tử tích hợp (không gồm đơn vị xử lý, đơn vị điều khiển, bộ nhớ và mạch khuếch đại)	5,68	19,62
847330	Bộ phận và phụ kiện của máy phân tích dữ liệu tự động hoặc dùng với các máy thuộc nhóm 8471	5,1	-15,53



Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2020 (tỷ USD)	Tăng trưởng so với năm 2019 (%)
870323	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, gồm dòng xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và xe đua có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh trên 1500 cm <sup>3</sup> nhưng không quá 3000 cm <sup>3</sup> (không gồm xe vận chuyển người trên tuyết và xe được thiết kế đặc biệt thuộc phân nhóm 8703.10)	4,77	-6,79
851770	Bộ phận của bộ điện thoại, điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác và thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác	4,72	-19,25
260300	Quặng đồng và tinh quặng đồng	4,24	22,59
851712	Điện thoại dùng cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	4,1	8,61
852990	Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với thiết bị phát và thu cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, camera truyền hình, camera kỹ thuật số, camera ghi hình ảnh, thiết bị ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến hoặc các thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến, màn hình và máy chiếu (không gồm ăng ten và bộ phản xạ của ăng ten)	3,58	-25,93

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

**CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU  
TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

<b>Mã HS</b>	<b>Mô tả hàng hóa</b>	<b>Kim ngạch 7 tháng đầu năm 2021 (tỷ USD)</b>	<b>Tăng trưởng so với 7 tháng đầu năm 2020 (%)</b>
270900	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô	34,76	28,21
854231	Mạch điện tử tích hợp như bộ xử lý và bộ điều khiển có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ thời gian và mạch định giờ hoặc các mạch khác	12,34	20,66
271111	Khí tự nhiên dạng hóa lỏng	12,35	16,28
271012	Dầu nhẹ và các chế phẩm từ dầu hoặc từ các khoáng bitum có chứa hàm lượng từ 90% trở lên (kể cả hao hụt) được chưng cất ở nhiệt độ 210°C theo phương pháp ASTM D 86 (không gồm dầu diesel sinh học)	9,44	37,75
848620	Máy và thiết bị để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp	11	66,61
854232	Mạch điện tử tích hợp như bộ nhớ	9,33	7,74
270112	Than bitum đã hoặc chưa nghiền thành bột, chưa đóng bánh	6	11,59
260111	Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết (không gồm pirit sắt đã nung)	6,23	84,42
260300	Quặng đồng và tinh quặng đồng	3,26	33,56
854239	Mạch điện tử tích hợp (không gồm đơn vị xử lý, đơn vị điều khiển, bộ nhớ và mạch khuếch đại)	4,74	52,48
271019	Dầu trung và các chế phẩm từ dầu mỏ hoặc khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học	2,42	58,71

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch 7 tháng đầu năm 2021 (tỷ USD)	Tăng trưởng so với 7 tháng đầu năm 2020 (%)
847330	Bộ phận và phụ kiện của máy phân tích dữ liệu tự động hoặc dùng với các máy thuộc nhóm 8471	2,75	1,29
851770	Bộ phận của bộ điện thoại, điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác và thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác	2,63	-6,7
890190	Tàu thuyền để vận chuyển hàng hóa và tàu thuyền để vận chuyển cả người và hàng hóa (không gồm tàu thuyền đông lạnh, tàu chở chất lỏng hoặc khí hóa lỏng, phà và các tàu thuyền được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người)	1,22	5,47
848690	Bộ phận và phụ kiện của máy và thiết bị chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, linh kiện bán dẫn, mạch điện tử tích hợp hoặc màn hình det; máy và thiết bị nêu ở Chú giải 9 C của chương 84	2,6	50,55

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế*



## II. Trao đổi thương mại với Việt Nam

### 1. Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Hàn Quốc

#### XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA HÀN QUỐC VÀ VIỆT NAM 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

	Xuất khẩu sang Việt Nam (tỷ USD)	Nhập khẩu từ Việt Nam (tỷ USD)	Tổng kim ngạch (tỷ USD)	Thặng dư (tỷ USD)	Tăng trưởng XK (%)	Tăng trưởng NK (%)
Tháng 1	4,64	2,04	6,68	2,61		
Tháng 2	3,91	1,69	5,60	2,22	-15,81	-16,85
Tháng 3	4,21	2,11	5,32	2,10	7,65	24,6
Tháng 4	4,34	2,14	6,47	2,20	3,04	1,36
Tháng 5	4,17	1,85	6,01	2,32	-3,85	-13,67
Tháng 6	4,58	1,78	6,37	2,80	9,97	-3,37
Tháng 7	4,93	1,99	6,93	2,94	7,63	11,63
Tháng 8	4,98	1,97	6,95	3,01	0,89	-1,05

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

## XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA HÀN QUỐC VÀ VIỆT NAM TRONG VÒNG 5 NĂM QUA

*Đơn vị: tỷ USD*

	Q2/2017	Q2/2018	Q2/2019	Q2/2020	Q2/2021
Xuất khẩu sang Việt Nam	12,99	11,44	11,44	9,14	13,09
Nhập khẩu từ Việt Nam	3,73	4,61	4,87	4,78	5,77
Tổng kim ngạch	16,72	16,05	16,31	13,92	18,85
Thặng dư	9,26	6,83	6,57	4,35	7,32
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		-11,92	-0,04	-20,11	43,27
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		23,76	5,58	-1,79	20,54

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế*

### 2. Một số mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 8/2021

STT	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch tháng 8/2021 (triệu USD)	Tăng trưởng so với tháng 7/2021 (%)	% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Hàn Quốc
1	Hàng dệt may	287,9	16,57	14,62
2	Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	268,07	24,5	13,61
3	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	217,05	-7,86	11,02
4	Gỗ và sản phẩm gỗ	69,1	-14,82	3,51
5	Giày dép các loại	20,69	-44,76	1,05

STT	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch tháng 8/2021 (triệu USD)	Tăng trưởng so với tháng 7/2021 (%)	% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang Hàn Quốc
6	Điện thoại các loại và linh kiện	576,76	29,07	29,29
7	Phương tiện vận tải và phụ tùng	51,73	-4,28	2,63
8	Hàng thủy sản	53,89	-24,85	2,74
9	Sản phẩm từ chất dẻo	24,95	-14,95	1,27
10	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	1,85	-49,05	0,09

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Tổng cục Hải quan*

### **3. Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng sang Hàn Quốc và dự báo trong thời gian tới**

#### **3.1. Gỗ và sản phẩm gỗ**

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc 8 tháng đầu năm 2021 vẫn duy trì tăng trưởng thuận lợi so với năm ngoái, đạt hơn 603 triệu USD, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp quan tâm và đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này. Trong tháng 8, diễn biến của dịch Covid 19 phức tạp gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt là với khu vực phía Nam – Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản (Viforest), dịch bệnh đã khiến trên 50% doanh nghiệp ngành gỗ phải ngừng hoạt động, giảm sản xuất hoặc đóng cửa. Trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc giảm mạnh 15% với kim ngạch đạt 69,1 triệu USD. Tuy nhiên, đây vẫn được nhận định là một trong những thị trường lớn nhất và tiềm năng nhất đối với xuất khẩu gỗ Việt Nam.

Đáng chú ý, mặc dù năm 2020 nền kinh tế Hàn Quốc chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, nhưng nhu cầu đồ nội thất, đặc biệt là các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ vẫn tăng trưởng tốt tại thị trường này. Do đó, kết quả xuất khẩu gỗ hướng tới thị trường Hàn Quốc vẫn được dự báo duy trì ở mức khả quan.

## MẶT HÀNG GỖ NỘI THẤT HÀN QUỐC NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM NỬA ĐẦU NĂM 2021

*Đơn vị: triệu USD*

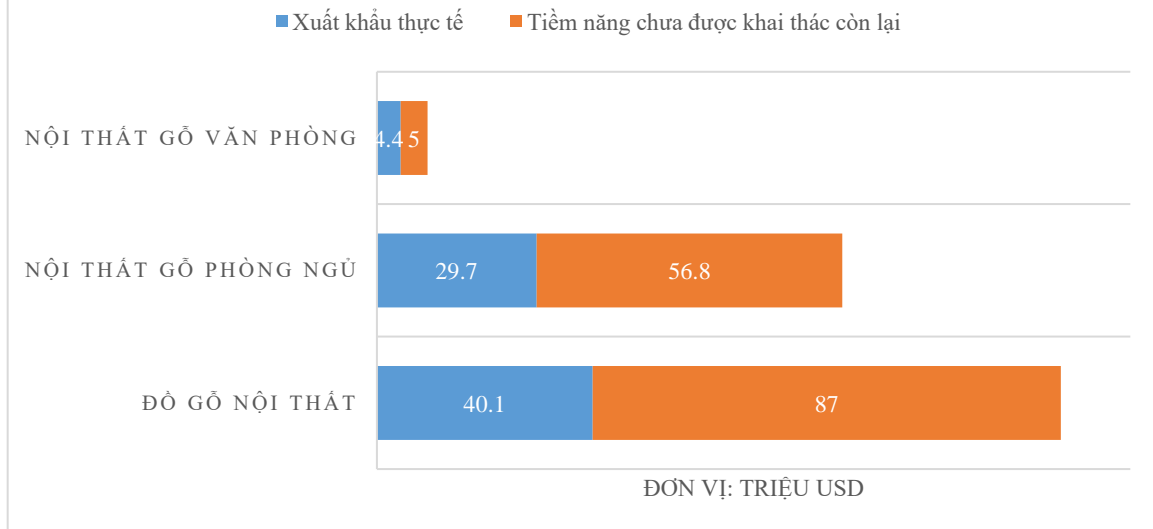
Mặt hàng	Kim ngạch 6 tháng/2020	Kim ngạch 6 tháng đầu/ 2021	Tăng trưởng so với cùng kỳ 2020
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	22,77	23,81	+4,57%
Đồ nội thất phòng ngủ	21,21	24,56	+15,75%
Đồ nội thất nhà bếp	15,22	16,49	+8,36%
Đồ nội thất văn phòng	2,98	3,12	+4,94%
Ghế khung gỗ	45,95	46,62	+1,46%
<b>Tổng</b>	<b>108,13</b>	<b>114,60</b>	<b>+5,98%</b>

*Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế*

### *Tiềm năng xuất khẩu*

Bên cạnh Hiệp định thương mại ASEAN – Hàn Quốc đã mang về lợi ích lớn cho Việt Nam trong những năm qua, Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) được ký kết mới đây vào ngày 15/11/2020 giữa các nước Châu Á – Thái Bình Dương mở ra cơ hội mới cho Việt Nam tới các đối tác. Hiệp định này được kỳ vọng sẽ tạo nên khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới, chiếm tới gần 1/3 nền kinh tế toàn cầu với trị giá tương đương 26.200 tỷ USD. Với quy mô thị trường lên tới 2,2 tỷ người, hiệp định hướng tới cắt giảm thuế quan và thiết lập các quy tắc chung trong các lĩnh vực như thương mại điện tử và sở hữu trí tuệ, mở cửa thị trường hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, ... trong khu vực địa lý RCEP, tạo thuận lợi thương mại đáng kể cho các nước thành viên. Việc ký kết hiệp định có ý nghĩa rất lớn thúc đẩy xuất khẩu Việt Nam tới thị trường Hàn Quốc nói chung, cũng như với ngành đồ gỗ nói riêng.

## ĐÁNH GIÁ TIỀM LỰC XUẤT KHẨU GỖ NỘI THẤT VIỆT NAM - HÀN QUỐC



Theo đánh giá của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), tiềm lực xuất khẩu đồ gỗ nội thất của Việt Nam tới Hàn Quốc là lạc quan và còn khá nhiều dư địa phát triển. Xuất khẩu đồ gỗ nội thất Việt Nam có thể đạt mức 127,1 triệu USD, trong đó nội thất phòng ngủ có thể đạt giá trị 86,5 triệu USD, hay nội thất văn phòng tiềm lực đạt 9.4 triệu USD. Tiềm năng chưa khai thác của ngành xuất khẩu nội thất bằng gỗ tới thị trường còn khá lớn, khuyến khích các nhà sản xuất và xuất khẩu đẩy mạnh phát triển sản phẩm, đổi mới hình thức hay công năng, đồng thời phát triển đa dạng các kênh bán hàng tới thị trường. Đáng chú ý, xuất khẩu thực tế đồ nội thất nhà bếp cao hơn khá nhiều, hơn gấp 1,5 lần so với tiềm lực phát triển được đánh giá, cho thấy sự phát triển vượt trội của xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam, tuy nhiên cũng cho thấy nhu cầu của thị trường Hàn Quốc đối với loại hình mặt hàng này không còn nhiều.

### 3.2. Thủy sản

Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc, 7 tháng đầu năm 2021, tổng sản lượng nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc đạt 821,1 nghìn tấn, trị giá 3,139 tỷ USD, tăng 8,8% về lượng, nhưng giảm 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Nhìn chung, mức độ phục hồi nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc vẫn chưa ổn định bởi dịch Covid-19 tại nước này vẫn có diễn biến phức tạp. Tháng 7/2021, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ thị trường Trung Quốc, Việt Nam, Na-uy và Nhật Bản giảm so với cùng kỳ năm 2020; trong khi nhập khẩu từ các thị trường Nga, Thái Lan và Đài Loan tăng mạnh. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ hầu hết các thị trường lớn tăng, trừ nhập khẩu từ



Trung Quốc và Hoa Kỳ giảm. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc, sau Trung Quốc và Nga. Trong 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ Việt Nam tương đương về lượng, nhưng tăng 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc theo lượng giảm nhẹ từ mức 11,2% trong 7 tháng đầu năm 2020, xuống còn 10,3% trong 7 tháng đầu năm 2021.

Tổng cục Hải quan đã thống kê trong tháng 8/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 53,89 triệu USD, giảm 24,85% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng 8, chỉ sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc. Trong các nhóm mặt hàng hải sản, tôm, mực và bạch tuộc là các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường này. Việt Nam vẫn được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu vào Hàn Quốc là 0% đối với các sản phẩm bạch tuộc tươi/sống và đông lạnh (HS030751 và HS030759). Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần đẩy mạnh xuất khẩu với loại sản phẩm trên để tăng kim ngạch xuất khẩu hơn nữa sang Hàn Quốc.

Dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại khu vực trọng tâm của thủy sản Việt Nam, chiếm 90-95% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của toàn quốc cũng như lực lượng lao động của ngành hàng, gây khó khăn và áp lực đứt gãy ngày càng tăng đối với cộng đồng doanh nghiệp. Theo khảo sát của Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP), tính đến cuối tháng 8/2021, chỉ có khoảng 30-40% doanh nghiệp thủy sản tại các tỉnh, thành phố phía Nam hoạt động được với mô hình “ba tại chỗ”; khoảng 30-40% đơn vị không đủ điều kiện thực hiện “ba tại chỗ” đã phải ngừng sản xuất, số còn lại đã tạm dừng sản xuất để tổ chức lại nhà máy thực hiện “ba tại chỗ”. Ước tính, công suất sản xuất thủy sản chung của các doanh nghiệp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đã giảm 60-70%. Tới thời điểm này, tình hình dịch bệnh tại nhiều tỉnh phía Nam đang có những tín hiệu tích cực, các địa phương cũng đã sẵn sàng để bước vào giai đoạn phục hồi kinh tế theo kế hoạch, giải pháp đã được xây dựng. Trong lộ trình mở cửa trở lại, các tỉnh, thành phố phía Nam đã có những giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp gồm: hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ tổ chức sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí và chăm lo đời sống người lao động; hỗ trợ mở rộng thị trường, hỗ trợ về thông tin, đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;... Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2021 về việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19, cùng với sự hỗ trợ nhằm tháo gỡ khó khăn trong hoạt động xuất khẩu của các Bộ, ngành, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ dần phục hồi kể từ cuối tháng 9/2021 và tăng trở lại trong 3 tháng cuối năm, thời điểm nhu cầu và đơn hàng thường tăng cao.

### 3.3. Nông sản

Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu nông sản lớn với giá trị hàng chục tỷ USD mỗi năm, nhưng tại thị trường này, nông sản Việt Nam còn chiếm tỷ lệ khá nhỏ và vẫn đang ở dạng tiềm năng. Việt Nam hiện là đối tác cung cấp một số mặt hàng nông sản sang Hàn Quốc như: rau quả, cà phê, hạt tiêu, sắn và các sản phẩm từ sắn, bánh kẹo và các sản phẩm ngũ cốc.

## SỐ LIỆU XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN VIỆT NAM SANG HÀN QUỐC THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2021

*Đơn vị tính: Lượng (tấn), Giá trị (triệu USD)*

Nhóm/ mặt hàng chủ yếu	Tháng 8/2021		So với Tháng 8/2020 (%)		8 tháng năm 2021		So với 8 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
Hàng rau quả		11,1		13,66		107,25		3,47
Cà phê	3.150	6,92	43,31	43,34	25.888	50,64	11,64	12,72
Hạt tiêu	221	0,91	-57	-35,27	4.170	14,99	-4,64	37,9
Sắn và các sản phẩm từ sắn	6.152	1,97	-67,49	-62,35	72.362	24,27	-6,42	12,87
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		2,62		-24,71		30,63		2,82

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Trong nửa đầu năm nay, giá nông sản tại Hàn Quốc đã tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2020, ghi nhận mức tăng lớn nhất trong vòng 30 năm qua tại thị trường này. Nguyên nhân chính dẫn đến việc tăng giá mạnh các sản phẩm nông nghiệp là do điều kiện thời tiết năm nay kém thuận lợi khiến một số loại nông sản bị mất mùa. Mặt khác, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã khiến nhiều gia đình chi nhiều tiền hơn để mua thực phẩm và tự nấu ăn ở nhà thường xuyên. Theo một thống kê mới đây, chi tiêu cho thực phẩm chiếm tới 13,3% tổng chi tiêu tiêu dùng của người dân Hàn Quốc. Đây là mức cao nhất trong vòng 21 năm qua. Trước tình hình giá lương thực tăng cao, Chính phủ Hàn Quốc đang cố gắng bình ổn giá bằng cách tăng cường nhập khẩu cũng như thúc đẩy việc sản xuất trong nước.

## *Hàng rau quả*

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, 70% đất đai của Hàn Quốc là địa hình đồi núi, không phù hợp với canh tác quy mô lớn. Hơn nữa, ngành nông nghiệp của Hàn Quốc chỉ chiếm 2,2% GDP của đất nước này. Với dân số dày đặc và khan hiếm đất đai, Hàn Quốc vẫn sẽ phụ thuộc vào thực phẩm nhập khẩu. Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan cho thấy giá trị xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 8 năm 2021 đạt 11,1 triệu USD, tăng 13,66% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 107,25 triệu USD, tăng 3,47% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhu cầu nhập khẩu nông sản của Hàn Quốc rất lớn, chủ yếu là bắp cải, xà lách, củ cải, ớt, tỏi, ớt chuông, ... bởi văn hóa người dân nơi đây ăn kim chi rất nhiều. Mỗi năm 1 người Hàn Quốc dùng hơn 200 kg rau, trong khi bình quân thế giới chỉ 130 kg mỗi người. Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng nhập khẩu khá nhiều trái cây, bình quân mỗi người tiêu dùng khoảng 60 kg/năm. Các loại trái cây hay dùng có cà chua, dưa hấu. Đây là cơ hội để cho các thị trường xuất khẩu đẩy mạnh mặt hàng rau quả vào thị trường này, trong đó có Việt Nam.

Theo thông tin từ Bộ Công Thương, đến nay, có 6 loại trái cây tươi của Việt Nam đã được phép xuất khẩu chính thức vào thị trường Hàn Quốc, bao gồm: dưa, dưa, thanh long ruột trắng, thanh long ruột đỏ, xoài, chuối. Phân tích từng loại quả trên, chuối là sản phẩm được người Hàn Quốc ưa chuộng nhất nhưng sản lượng chuối Việt Nam tăng trưởng thấp tại thị trường này, chỉ chiếm xấp xỉ 2% thị phần. Sản phẩm chuối của Việt Nam phải cạnh tranh khá vất vả với chuối Philippines - hiện đang chiếm 75,8% sản lượng nhập khẩu loại quả này của Hàn Quốc. Đối với sản phẩm dưa, thị phần của Việt Nam chiếm khoảng 2,6%. Đối thủ cạnh tranh của dưa Việt Nam tại Hàn Quốc là Philippines và Indonesia. Dưa Việt Nam bị lép vế do cơ sở sản xuất tương đối lẻ tẻ ở từng hộ nông dân dẫn đến các vấn đề về chất lượng sản phẩm. Nhu cầu dưa nhập khẩu vào Hàn Quốc là khoảng 70 ngàn tấn mỗi năm, nhưng dưa Việt Nam chỉ chiếm 0,62%, trong khi dưa Philippines chiếm 93% tổng lượng nhập khẩu loại quả này của Hàn Quốc. Không những đa dạng về cách chế biến mà chất lượng dưa của Philippines cũng được đánh giá hơn hẳn Việt Nam. Hiện nay, Bộ Công Thương đang phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành liên quan của Việt Nam và Hàn Quốc để thúc đẩy phía Hàn Quốc mở cửa thị trường cho thêm nhiều loại trái cây khác của Việt Nam như bưởi, chanh leo, vải, chôm chôm, nhãn, ... Ngoài các mặt hàng hoa quả tươi nhiệt đới, người tiêu dùng Hàn Quốc cũng rất hào hứng với sản phẩm nông sản đã qua chế biến của Việt Nam như hoa quả sấy khô, ...

Theo Hiệp định VKFTA, mặc dù Hàn Quốc cam kết giảm đến 50 dòng thuế cho mặt hàng rau quả, song trị giá xuất khẩu của mặt hàng này vẫn còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu do nông sản Việt Nam chưa có thương hiệu mạnh, khó tìm được những doanh nghiệp đủ năng lực và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu có quy mô đủ lớn (như sản phẩm đồng bộ về chất lượng, kích cỡ, màu sắc; thương hiệu; vệ sinh an toàn thực phẩm; chế biến sâu; ...). Ngoài vấn đề về chất lượng thì giá cả cũng là điểm mấu chốt quan trọng. Hiện các sản phẩm đang xuất khẩu vào Hàn Quốc nhưng sản lượng chưa nhiều do giá chưa cạnh tranh so với các nước như Philippines, Thái Lan, Indonesia, Mexico, ...

Mặc dù thị trường rau quả của Hàn Quốc còn nhiều dư địa cho doanh nghiệp Việt Nam nhưng cũng là thị trường khó tính, mức độ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cao và nhiều rào cản kỹ thuật nghiêm ngặt. Đối với các sản phẩm trái cây, hoa quả nhập khẩu vào Hàn Quốc, doanh nghiệp cần hết sức lưu ý, phải tìm hiểu và tuân thủ quy định hệ thống danh mục thuốc bảo vệ thực vật của Hàn Quốc (viết tắt PLS), áp dụng từ năm 2019. Hệ thống này quy định các chất bảo vệ thực vật được phép sử dụng và hàm lượng tồn dư tối đa trên rau quả, trái cây nhập khẩu, do đó, doanh nghiệp Việt Nam phải tự thay đổi phương thức sản xuất hàng hóa từ đầu vào đến đầu ra để có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật, cũng như quy định nhập khẩu từ thị trường này. Ngoài ra, Việt Nam cần hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho nông sản, như New Zealand có thương hiệu kiwi, Hà Lan có thương hiệu cam, Philippines có thương hiệu chuối, ... Các kênh tiêu thụ tại Hàn Quốc bao gồm: hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi chiếm 60%, chợ truyền thống 20%, còn lại qua bán lẻ trực tuyến. Vì thế, để xuất khẩu bền vững nhất, có giá trị tốt nhất, doanh nghiệp cần tìm cách đưa hàng qua các hệ thống phân phối, siêu thị bán lẻ, cửa hàng tiện ích.

### *Cà phê*

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của nước ta. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 8/2021 đạt 3.150 tấn, trị giá 6,92 triệu USD, tăng 43,31% về lượng và tăng 43,34% về giá trị so với tháng 8/2020. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021 đạt 25.888 tấn, tương đương 50,64 triệu USD, tăng 11,64% về lượng và tăng 12,72% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc ở mức chiếm tỉ lệ lớn, trong khi thị phần cà phê của một số nguồn cung cà phê cho Hàn Quốc như Colombia, Honduras, Guatemala, Peru, Kenya, ... đều giảm so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu sản phẩm, tháng 7/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 78,82%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 21,18% (cùng kỳ năm 2020 tỷ lệ này lần lượt là

84,56% và 15,44%). Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 7/2021 cụ thể như sau:

- Cà phê chưa rang, chưa khử cafein đạt 3,09 triệu USD, chiếm tỷ trọng 70,22%, giảm 32,19% so cùng kỳ năm 2020.
- Tiếp đến là tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 673 nghìn USD, chiếm 15,26%, giảm 11,24% so cùng kỳ.
- Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 312 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 7,08%, tăng 19,07% so với cùng kỳ.
- Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 261 nghìn USD, chiếm 5,92%, tăng 71,25% so với cùng kỳ.

Cũng trong tháng 7/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 2.299 USD/tấn, tăng 12% so với tháng trước đó và tăng 22,65 % so với cùng kỳ năm 2020.

Văn hóa thưởng thức trà của người Hàn Quốc có từ lâu đời nay đã chuyển dần sang sử dụng cà phê dưới nhiều hình thức khác nhau. Cà phê ở Hàn Quốc được sử dụng rộng rãi ở các văn phòng, nhà hàng, gia đình. Theo Viện Kinh tế Hàn Quốc, mức tiêu thụ cà phê bình quân tính trên đầu người của Hàn Quốc đạt 2,3kg/người/năm. Tiêu thụ cà phê ở Hàn Quốc chiếm khoảng 6% tổng thị trường cà phê châu Á - Thái Bình Dương và là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê hàng đầu thế giới. Đặc biệt, xu hướng tiêu dùng của giới trẻ Hàn Quốc cũng có nhiều thay đổi, tiêu thụ cà phê hòa tan của giới trẻ gia tăng do sức hút của hội nhập, toàn cầu hóa. Công ty nghiên cứu thị trường Nielsen Koreanclick ngày 24/8 cho biết, thị trường đồ uống cà phê pha sẵn của Hàn Quốc đã tăng trưởng gần 6% trong 6 tháng đầu năm nay trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Quy mô thị trường cà phê pha sẵn tại Hàn Quốc đạt 672,9 tỷ won (tương đương 574 triệu USD) trong giai đoạn từ tháng 1-6/2021, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Cà phê đóng hộp chiếm tỷ trọng lớn nhất với 258,6 tỷ won, tiếp theo là cà phê đóng chai với 137,5 tỷ won. Doanh số bán cà phê đóng hộp tăng 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái với doanh số cà phê đóng chai tăng 18,6% do ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng. Doanh số bán đồ uống cà phê tăng trưởng vững chắc trong 6 tháng đầu năm 2021 do nhiều người tiêu dùng đến mua ở các cửa hàng tiện lợi thay vì đến các cửa hàng cà phê.

Theo phân tích từ các chuyên gia, mặc dù làn sóng Covid-19 lần thứ 4 vẫn diễn biến phức tạp tại Hàn Quốc nhưng nhu cầu tiêu thụ cà phê của nước này không bị ảnh hưởng. Trong khi đó, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nâng triển vọng tăng trưởng của Hàn Quốc lên 4,3% trong năm nay và 3,4% trong năm 2022, cao hơn mức 3,6% và 2,8% ước tính hồi tháng 4/2021, bất chấp những lo ngại về tác động

của dịch bệnh. Vì vậy, các chuyên gia cho rằng nhu cầu nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc dự kiến sẽ tiếp tục xu hướng tăng và xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc được dự báo sẽ có cơ hội tăng trưởng trong thời gian tới.

### *Sắn và các sản phẩm từ sắn*

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2021, Việt Nam đã xuất khẩu được 6.152 tấn sắn và các sản phẩm từ sắn, trị giá 1,97 triệu USD sang Hàn Quốc, giảm 67,49% về lượng và giảm 62,35% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, tổng lượng sắn và các sản phẩm từ sắn xuất khẩu sang thị trường này đạt xấp xỉ 72,4 nghìn tấn, trị giá 24,27 triệu USD, giảm 6,42% về lượng và tăng 12,87% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.



Về cơ cấu, Hàn Quốc chiếm 0,4% về khối lượng và 0,3% về giá trị xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam trong tháng 7 năm 2021, là một trong 3 thị trường lớn nhất chỉ sau Trung Quốc và Đài Loan.

Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 243,1 nghìn USD, chiếm 92,4% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, tăng 274,7% so với cùng kỳ năm 2020; sắn lát, đông lạnh đạt 20,1 nghìn USD (chiếm 7,6%), giảm 97,4%.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, kim ngạch nhập khẩu sắn lát (mã HS 071410) của Hàn Quốc tháng 7/2021 đạt 4,17 triệu USD. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp lớn nhất với 3,42 triệu USD, chiếm 81,9% thị phần. Đối với tinh bột sắn (mã HS 110814), trong tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 82 nghìn USD, chiếm 29% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này của Hàn Quốc. Giá xuất khẩu bình quân sắn và các sản phẩm từ sắn tháng 7/2021 ghi nhận mức tăng 38,02% so với cùng kỳ năm 2020.

### III. Một số lưu ý và quy định khi tiếp cận thị trường Hàn Quốc

#### 1. Lưu ý về thủ tục thông quan

##### 1.1. Thủ tục nhập khẩu thông thường

Nhập khẩu là vận chuyển hàng hóa nước ngoài vào Hàn Quốc hoặc tiêu thụ và sử dụng chúng, bao gồm cả việc tiêu thụ và sử dụng hàng hóa nước ngoài như là phương tiện vận tải nhưng không bao gồm việc tiêu thụ và sử dụng hàng hóa nước ngoài theo Luật Hải quan Hàn Quốc (Luật Hải quan).

Thông quan nhập khẩu là một chuỗi quy trình trong đó một người có ý định nhập khẩu hàng hóa nước ngoài nộp tờ khai hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc, sau đó người này sẽ kiểm tra để xác định liệu tờ khai nhập khẩu đã được nộp hợp pháp và chính đáng theo Luật Hải quan hay chưa và các luật, pháp lệnh khác ban hành sau khi chấp nhận tờ khai, người khai nhập khẩu cấp Giấy chứng nhận hoàn thành tờ khai nhập khẩu để cho phép xuất hàng nhập khẩu.

##### **\* Vận chuyển vào khu vực lưu trữ**

Sau khi từ nước ngoài đến, hàng hóa được lưu giữ trong khu vực ngoại quan.

##### **\* Đáp ứng yêu cầu**

Chủ hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu thông quan phải chuẩn bị đề xuất thuế suất, đề nghị miễn thuế hải quan trước khi khai báo nhập khẩu. Cơ quan chịu trách nhiệm xác định các yêu cầu thông quan và đưa ra khuyến nghị thuế suất và khuyến nghị miễn thuế hải quan sẽ gửi các chứng từ điện tử đến cơ quan Hải quan thông qua mạng kết nối.

##### **\* Khai báo nhập khẩu**

Một tờ khai sẽ được nộp dưới tên của chủ hàng hóa hoặc một nhà môi giới Hải quan được cấp phép. Người khai nhập khẩu hoàn thành tờ khai nhập khẩu và gửi đến Hệ thống thông quan theo phương thức điện tử. Hệ thống thông quan tự động lựa chọn hàng hóa phải kiểm tra, hàng hóa phải nộp các chứng từ theo quy định và thông báo cho người khai hải quan.

Bất cứ ai có ý định nhập khẩu, xuất khẩu hoặc trả lại hàng hóa phải khai báo tên, tiêu chuẩn, số lượng và giá cả của hàng hóa liên quan và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật. Đối với bất kỳ hàng hóa nào sau đây, có thể bỏ qua hoặc được yêu cầu khai báo một tờ khai theo cách đơn giản hóa:

- Đồ dùng cá nhân, hàng gửi hoặc hàng hóa không có người đi kèm;
- Bưu phẩm;
- Hàng hóa được miễn thuế hải quan theo quy định pháp luật của Luật Hải quan;
- Công-te-nơ dùng cho vận tải quốc tế (chỉ giới hạn ở những công-te-nơ có mức thuế cơ bản bằng 0 theo Biểu thuế phí đính kèm).

Cần lưu ý rằng mỗi người vận chuyển hàng hóa dự định nhập khẩu hoặc đưa trở lại nơi lưu giữ được chỉ định hoặc kho ngoại quan, hoặc lưu trữ hàng hóa đó ở một nơi không phải là khu vực ngoại quan, phải khai báo trong vòng 30 ngày kể từ ngày mà người đó vận chuyển hàng hóa hoặc cất giữ chúng ở nơi đó.

Khi bất kỳ tờ khai nào được nộp mà phù hợp với Luật Hải quan, cơ quan Hải quan sẽ chấp nhận ngay tờ khai đó và cấp giấy chứng nhận hoàn thành tờ khai cho người khai hải quan. Nếu bất kỳ tờ khai nào được nhận bằng hệ thống xử lý dữ liệu điện tử như UNI-PASS, người khai có liên quan có thể nhận trực tiếp chứng chỉ hoàn thành tờ khai. Hàng hóa đã được khai báo sẽ không được vận chuyển ra khỏi bất kỳ phương tiện vận tải nào, bất kỳ tuyến đường Hải quan nào, bất kỳ lối xếp dỡ hàng hóa nào hoặc nơi lưu giữ.

#### **\* Xử lý khai báo**

Tờ khai nhập khẩu được kiểm tra bằng các phương pháp như kiểm tra sàng lọc, kiểm tra chứng từ, kiểm tra hàng hóa, v.v ... Nếu tờ khai nhập khẩu đã được nộp hợp pháp thì sẽ được chấp nhận ngay. Việc kiểm tra hàng hóa nhập khẩu có nghĩa là xác minh thông qua việc kiểm tra thực tế hàng hóa đã nộp tờ khai nhập khẩu có khớp đúng với nội dung đã khai báo nhập khẩu hay không, có vi phạm quy định của pháp luật liên quan hay không, v.v ... Có thể áp dụng các tỷ lệ kiểm tra khác biệt bằng cách cho phép mức độ tuân thủ pháp luật, bất kỳ biên bản phát hiện vi phạm thực tế nào khi kiểm tra, quốc gia xuất xứ của hàng hóa, v.v... liên quan đến từng nhà nhập khẩu. Phương thức kiểm tra được sử dụng có thể là kiểm tra lấy mẫu, kiểm tra toàn bộ hoặc kiểm tra để phân tích theo hàng hóa phải kiểm tra.

Cơ quan Hải quan có liên quan có thể yêu cầu người khai hải quan có mặt trong quá trình kiểm tra hàng hóa và yêu cầu người quản lý địa điểm kiểm tra hoặc chủ hàng hóa nhập khẩu chuẩn bị cho việc kiểm tra, chẳng hạn như đảm bảo địa điểm và trang thiết bị cần thiết để kiểm tra, bố trí công nhân mở bao bì, đóng gói hàng hóa. Trường hợp không thể thực hiện kiểm tra do chưa chuẩn bị đầy đủ cho việc kiểm tra thì điều chỉnh mức độ ưu tiên kiểm tra để thực hiện kiểm tra khi đã chuẩn bị đầy đủ cho việc kiểm tra. Các chi phí bắt buộc để kiểm tra hàng hoá nhập khẩu do chủ hàng hoá nhập khẩu thanh toán.



Tuy nhiên, cơ quan Hải quan có thể yêu cầu người khai hải quan bổ sung tờ khai nhập khẩu hoặc tạm dừng thông quan trong các trường hợp sau:

Yêu cầu bổ sung mẫu khai báo

- Những vấn đề đã nhập hoặc phải nhập trong tờ khai chưa đầy đủ, thiếu sót;
- Trường hợp thiếu tài liệu kèm theo hoặc cần bổ sung số liệu minh chứng theo kết quả kiểm tra mẫu tờ khai;
- Trường hợp người khai hải quan có ý định thay đổi phương thức khai báo nhập khẩu từ khai báo không giấy tờ sang khai báo nộp hồ sơ.

**\* *Khâu trừ thủ tục hải quan***

- Trường hợp còn những điều chưa hoàn thiện, thiếu sót cần bổ sung, như những vấn đề đã viết hoặc phải ghi trong tờ khai hoặc các tài liệu cần nộp hoặc phải nộp;
- Khi các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật là vi phạm hoặc đe dọa tổn hại sức khỏe cộng đồng.
- Khi có bất kỳ cáo buộc nào đã được đệ trình hoặc bất kỳ cuộc điều tra nào đang được tiến hành do nghi ngờ gian lận hải quan;
- Trường hợp có bất kỳ hàng hóa nào có nhãn sai hoặc gây hiểu nhầm về chất lượng của chúng, ...

**\* *Từ chối***

Trường hợp mất nhiều thời gian để thực hiện các yêu cầu chấp nhận tờ khai nhập khẩu theo kết quả kiểm tra thông quan..., Cơ quan Hải quan có thể từ chối tờ khai đã nộp hoặc người khai hải quan có thể hủy tờ khai đã nộp sau khi được chấp thuận trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- Trường hợp khai báo sai sự thật hoặc bất kỳ cách thức bất hợp pháp nào khác;
- Trường hợp đã xác định được việc từ bỏ, loại bỏ, bán công khai, bán đấu giá thành công hoặc thu giữ có thời hạn hàng hóa hoặc việc hoàn trả chúng vào kho bạc Quốc gia;
- Trường hợp chưa thực hiện các yêu cầu về khai báo nhập khẩu trước khi xuất cảnh, nhập cảnh;
- Trường hợp hàng hóa khai báo trước khi khởi hành hoặc khi đến nơi nhưng chưa đến nơi;
- Trường hợp chưa thực hiện các yêu cầu chính thức khác về tờ khai nhập khẩu.

### \* *Hủy bỏ*

- Trường hợp đã có quyết định trả lại hàng hóa khác với nội dung của hợp đồng nhập khẩu, hàng hóa bị xuống cấp, hư hỏng... cho nhà cung cấp nước ngoài, ...
- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã bị tiêu hủy, mất hoặc có khả năng bị loại bỏ sau khi được cơ quan có liên quan chấp thuận do thảm họa hoặc vì bất kỳ nguyên nhân bất khả kháng nào khác;
- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có khả năng bị trả lại hoặc bị loại bỏ vì các lý do như bị hoãn thông quan, không đáp ứng yêu cầu thông quan, hàng cấm nhập khẩu, ...
- Trường hợp được công nhận là có lý do chính đáng hoặc các lý do tương đương với bất kỳ trường hợp nào đã nêu trên.

Các trường hợp không thể là lý do chính đáng để hủy bỏ tuyên bố

- Tình hình tài chính của công ty do suy thoái kinh tế...;
- Bỏ sót đơn xin miễn thuế hải quan, đề xuất hạn ngạch thuế quan, hoặc đề xuất thuế suất sử dụng cụ thể;
- Hủy bỏ tờ khai để được áp dụng thuế suất thấp hơn;
- Không đảm bảo được thị trường ở Hàn Quốc, v.v. do hủy hợp đồng mua bán tại Hàn Quốc...;

Sau khi chấp nhận tờ khai nhập khẩu, cơ quan Hải quan liên quan cấp Giấy xác nhận hoàn thành tờ khai nhập khẩu điện tử có đóng dấu cơ quan đặc biệt của cơ quan hải quan (Đại lý hải quan...); Để ngăn ngừa bất kỳ sự giả mạo hoặc thay đổi nào, mỗi giấy chứng nhận tờ khai nhập khẩu được trang bị nhiều thiết bị khác nhau như con dấu cơ quan đặc biệt của cơ quan Hải quan, hình mờ (logo KCS), số sê-ri phát hành, mã vạch hai chiều và dấu sao chép.

Trong trường hợp kiểm tra, việc kiểm tra để thông quan được thực hiện thông qua các tài liệu sau khi kiểm tra thực tế hàng hóa.

Trong trường hợp nộp hồ sơ theo quy định, việc thẩm tra thông qua hồ sơ được thực hiện.

Trong trường hợp khai báo không cần giấy tờ, việc kiểm tra thông quan được thực hiện qua màn hình máy tính.

Trong trường hợp hàng hóa được tìm thấy không có bất kỳ vấn đề gì do kết quả kiểm tra, thì việc phê duyệt hàng hóa đó được đăng ký.

### **\* *Bảo mật hoặc thanh toán trước***

Việc thu thuế hải quan đối với hàng hoá chịu thuế sẽ được ưu tiên hơn việc thu các loại thuế, phí công và các khoản thu khác. Nếu thuế hải quan được thu theo cách thức thu thuế quốc gia và đối tượng áp dụng để thu hồi nợ là tài sản không phải là hàng hóa chịu thuế thì sẽ áp dụng thứ tự ưu tiên tương tự như thuế quốc gia đối với thuế hải quan đó.

Chủ hàng hóa nhập khẩu có thể cung cấp dịch vụ bảo đảm tiền thuế cho cơ quan Hải quan (hoặc nộp tiền thuế trước cho cơ quan Hải quan) để nhận hàng từ khu ngoại quan. Tổ chức tài chính thông báo cho cơ quan Hải quan biết đã nhận được tiền thuế qua mạng máy tính được kết nối (đối với trường hợp nộp thuế trước).

Trường hợp các luật khác về thuế xung đột với Luật Hải quan liên quan đến việc áp thuế, truy thu, hoàn thuế, v.v. đối với thuế nội địa và bao gồm các khoản phụ thu, thuế bổ sung và chi phí xử lý theo mặc định, do Hải quan áp đặt và thu văn phòng, Luật Hải quan sẽ được áp dụng.

### **\* *Chấp nhận tờ khai***

Nếu đã nhận được tiền thuế hải quan hoặc đã có bảo mật thì hệ thống thông quan tự động chấp nhận tờ khai nhập khẩu.

Hệ thống thông quan thông báo cho người khai nhập khẩu và hệ thống hàng hóa (nơi lưu giữ) về việc chấp nhận tờ khai nhập khẩu.

### **\* *Giao hàng***

Đối với yêu cầu giao hàng của chủ hàng nhập khẩu, nơi lưu giữ hàng hóa kiểm tra để xác định xem tờ khai nhập khẩu đã được chấp nhận hay chưa, sau đó giao hàng cho chủ hàng.

### **\* *Thanh toán thuế sau thông quan***

Sau khi giao hàng xong, chủ hàng nhập khẩu phải nộp thuế hải quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấp nhận tờ khai nhập khẩu. Tổ chức tài chính thông báo cho Hải quan biết đã nhận được tiền thuế qua mạng máy tính được kết nối (đối với trường hợp nộp thuế sau thông quan).

Trong khi tính toán việc nộp thuế, nếu đơn chấp thuận vận chuyển hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc được cấp trước khi chấp nhận một tờ khai nhập khẩu đã nộp thì ngày phê duyệt được coi là ngày mà tờ khai nhập khẩu đó được chấp nhận.

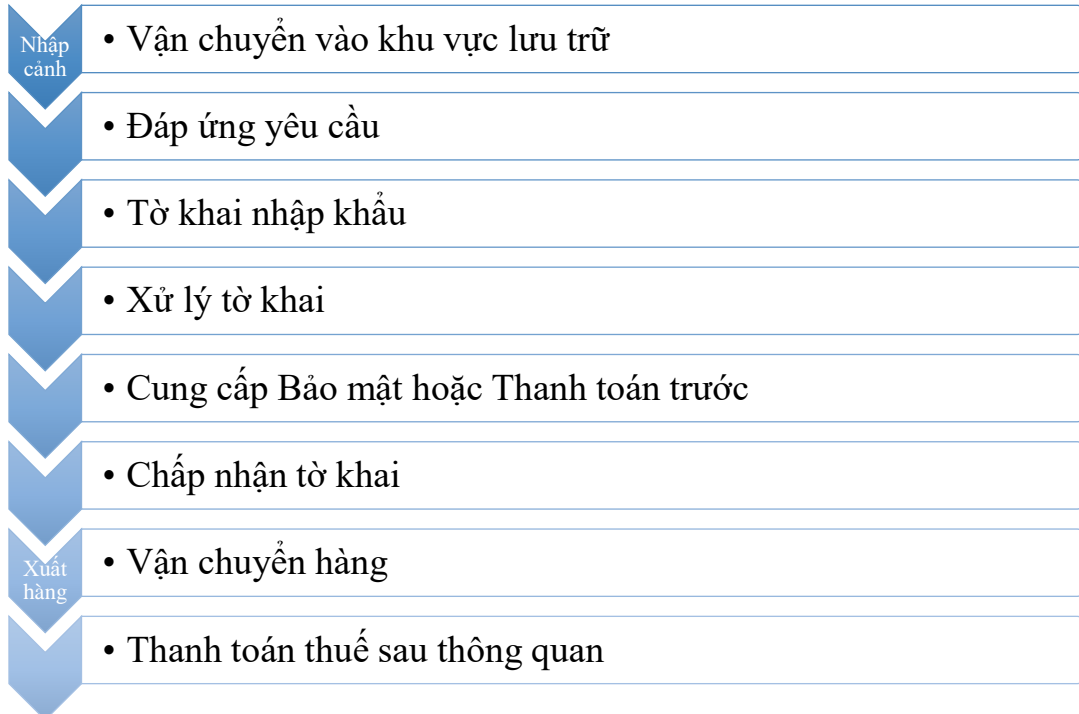
Nếu thời hạn quy định trong Luật Hải quan rơi vào ngày lễ hoặc một ngày do Nghị định của Tổng thống quy định, thì ngày hôm sau sẽ là thời hạn đó.

Người chịu trách nhiệm nộp thuế có thể nộp thuế Hải quan liên quan ngay cả trước khi tờ khai nhập khẩu của mình được chấp nhận. Trường hợp người nộp thuế trung thực, đáp ứng các yêu cầu được xác định dựa trên hồ sơ nộp thuế, v.v., cơ quan Hải quan có thể cho phép người đó thực hiện nộp thuế theo khối mà thời hạn thanh toán là ngày cuối cùng của tháng mà thời hạn nói trên rơi vào. Trong những trường hợp như vậy, cơ quan Hải quan có thể yêu cầu người đó cung cấp bảo mật tương đương với số tiền thuế Hải quan, nếu xét thấy cần thiết.

Trường hợp được cho là không thể khai báo, nộp đơn hoặc yêu cầu; nộp các tài liệu khác; đưa ra thông báo; hoặc thực hiện thanh toán hoặc thu hộ theo Luật Hải quan trong thời hạn quy định do thiên tai và các lý do khác, cơ quan Hải quan có thể gia hạn thời hạn đó trong một khoảng thời gian nhất định lên đến một năm.

Trong những trường hợp như vậy, cơ quan Hải quan có thể yêu cầu người đó cung cấp bảo mật tương đương với số tiền thuế Hải quan, nếu xét thấy cần thiết.

## QUY TRÌNH THỦ TỤC NHẬP KHẨU



## 1.2. Thủ tục đơn giản hóa

### **\* Khai báo trước khi Khởi hành hoặc Đến**

Khi hàng hóa mà một người dự định nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan nhanh chóng, thì tờ khai nhập khẩu hàng hóa đó có thể được nộp trước khi tàu thuyền hoặc máy bay chở hàng hóa có liên quan vào cảng hoặc sân bay.

Trong những trường hợp đó, bất kỳ hàng hóa nào được nộp tờ khai nhập khẩu trước khi đến cảng sẽ được coi là đã đến Hàn Quốc.

Khi thủ trưởng cơ quan Hải quan quyết định kiểm tra hàng hóa trên tờ khai nhập khẩu trước khi nhập cảng thì thông báo cho người đã khai tờ khai nhập khẩu đó. Hàng hóa thuộc diện kiểm tra được đưa vào khu vực ngoại quan (bao gồm bất kỳ địa điểm nào, không phải khu ngoại quan, là nơi lưu giữ hàng hóa đó) thuộc thẩm quyền của cơ quan Hải quan nơi đã nộp tờ khai nhập khẩu. Với điều kiện là nếu xét thấy có thể tiến hành kiểm tra hàng hóa trên tàu thuyền hoặc máy bay, thì việc kiểm tra đó có thể được thực hiện trên tàu biển hoặc máy bay đã chất đầy hàng hóa liên quan.

### **\* Các thủ tục đơn giản hóa khác**

Nhập khẩu chỉ được thông quan bằng cách nộp tờ khai nhập khẩu mà không cần nộp bất kỳ chứng từ nào kèm theo trong trường hợp hàng hóa thuộc một trong các nhóm sau:

- Hàng hóa miễn thuế được coi là hàng hóa dùng cho mục đích cá nhân như hàng hóa cư trú trong nước nhận với tổng giá trị tính thuế không quá 150.000 won;
- Hàng mẫu thương mại miễn thuế là hàng hóa có tổng giá trị tính thuế không quá 250 đô la Mỹ;
- Hàng hóa trong số các bản vẽ thiết kế được miễn nhập khẩu;
- Phương tiện thanh toán mà tổ chức tài chính nhập khẩu để kinh doanh ngoại hối;

Bất kỳ hàng hóa nào được miễn thuế Hải quan hoặc chịu mức thuế bằng 0 trong số các hàng hóa thuộc bất kỳ danh mục nào sau đây chỉ yêu cầu xuất trình Vận đơn (B / L) để được giao ngay từ nơi lưu giữ:

- Hàng miễn thuế được xách tay qua túi ngoại giao;
- Hàng hóa miễn thuế của nguyên thủ quốc gia nước ngoài đến thăm Hàn Quốc, gia đình và đoàn tùy tùng;
- Hải cốt (tro cốt) hoặc thi hài để phục vụ tang lễ;

- Hàng hóa dùng để đưa tin của các cơ quan dư luận xã hội đã đăng ký với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như báo chí, phim, băng đĩa có nội dung tin bài;
- Số liệu, tư liệu do các cơ quan đại diện ngoại giao gửi ra nước ngoài, v.v ...;
- Hàng hóa kinh doanh chính ngạch do lực lượng quân đội đóng quân ở nước ngoài trở về. Điều này chỉ áp dụng trong trường hợp họ đến Hàn Quốc sau khi được đưa lên tàu chiến hoặc máy bay quân sự.

### CÁC LOẠI KHAI BÁO NHẬP KHẨU

Phân loại	Khai báo trước khi khởi hành từ cảng	Khai báo trước khi đến cảng	Khai báo trước khi đến khu vực ngoại quan	Khai báo sau khi cất giữ trong khu ngoại quan
Thời điểm khai báo	Trước khi tàu (máy bay) chở hàng khởi hành từ cảng gửi hàng 5 ngày trước khi đến (1 ngày trước khi đến đối với Hàn Quốc)	Trước khi đến cảng (khai báo dỡ hàng hoặc khai hàng) sau khi tàu (máy bay) khởi hành từ cảng vận đơn 5 ngày trước khi đến (1 ngày trước khi đến đối với tàu bay) tại Hàn Quốc	Trước khi đến khu vực ngoại quan, nơi hàng hoá sẽ được vận chuyển	Sau khi lưu giữ hàng hoá trong khu ngoại quan
Hàng hoá phải khai báo nhập khẩu	Hàng hoá nhập khẩu trên máy bay Hàng nhập từ Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan hoặc Hồng Kông	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn
Cơ quan hải quan khai báo hàng nhập khẩu	Cơ quan hải quan phụ trách địa điểm dự kiến đến	Cơ quan hải quan phụ trách địa điểm dự kiến đến	Cơ quan hải quan có thẩm quyền đối với khu vực ngoại quan theo lịch trình đến	Cơ quan hải quan có thẩm quyền đối với khu vực ngoại quan đối với hàng hoá lưu kho
Thời điểm thông báo có hàng hoá phải kiểm tra hay không	Tại thời điểm nộp dữ liệu (tờ khai rời bến và bảng kê hàng hoá) chứng minh tàu (máy bay) đã rời cảng vận tải	Ngày khai báo nhập khẩu	Ngày khai báo nhập khẩu	Ngày khai báo nhập khẩu

**Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.**

Đơn vị thực hiện:

Trung tâm phát triển Thương mại điện tử - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Tel: 024.222.05363/

Email:

Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ số điện thoại và email trên.